

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/11/2021

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+BK8+RP2	7:25	16+5+0	0+0+0		5+10+7	0+0+0	
2		P2+BK14+AMD	7:25	22+0+0	0+0+0		10+7+4	0+0+0	
3		TTC2+P2+GF G1 RP 1	7:25	2+20+0	0+0+0		0+21+1	0+0+0	Thay GTG bằng RP có mặt ở trước
4		P1+PVD1+CTK3	9:25	15+6+1	0+0+0		10+5+7	0+0+0	
5		RC4+P1+P6	9:25	0+17+0	0+0+0		0+20+1	0+0+0	Chuyến 2 RC4-P6
6		BK6+BK10+P2	9:25	10+0+11	0+0+0		8+2+11	0+0+0	Chuyến 1 BK10-P2

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 2 người BK8 về bờ chuyến 1, đi P2 chuyến cuối

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT:	TO: P4 - BK8 - RP2	CREW: MTHẮNG - KHẢI - TSON	ETA: 09:20
Vang-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG ĐỨC LÂM ANH	P4					84	KHI	Vietnamese
2	PHẠM VĂN QUYỀN	P4	88-89	2	12		78	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TÚ	P4	03	1	8	40	63	KHI	Vietnamese
4	PHẠM VĂN ĐẠT	P4	92-93	2	14		78	KHI	Vietnamese
5	LAI TUẤN KỲ	P4	90-91	2	10		105	KHI	Vietnamese
6	VŨ VĂN SƠN	P4	100	1	11	15	57	KHI	Vietnamese
7	ĐỖ ĐÌNH TRƯỜNG	P4	06-07	2	20		58	KHI	Vietnamese
8	TRƯƠNG VĂN HUÂN	P4	96	1	10		58	KHI	Vietnamese
9	LÊ VŨ LỰC	P4	04-05	2	15		75	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT ANH HOANG	P4	01	1	10		58	KHI	Vietnamese
11	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	97	1	13		78	KHI	Vietnamese
12	TRẦN SƠN THIÊN	P4	98	1	8		52	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU Y	P4	57	1	15		92	KHI	Vietnamese
14	LÊ TUẤN TÚ	P4	99	1	10		69	KHI	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THẮNG	P4	95	1	12		60	KHI	Vietnamese
16	PHẠM DUY PHƯƠNG	P4	94	1	10		49	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN TẤT HÒA	BK8	04	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM MINH DƯƠNG	BK8	05	1	4		87	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU HÀ	BK8	02	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THANH SƠN	BK8	06	1	5	30	60	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI ĐẶC CẢNH	BK8	03	1	8		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

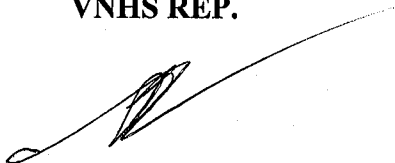
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	16	20	178	1.114	55	5		
2	BK8	5	5	35	347	30	10		
3	RP2	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		21	25	213	1.461	85	22		
WEIGHT KG				213	1.461	85			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

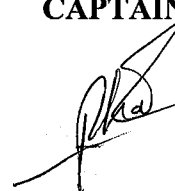
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2021	TO: P2 - BK14 - AMD	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - Mạnh - QTrưởng	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM THANH KHIẾT	P2	08	1	9		65	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH VIÊN	P2	24-26	3	18		70	KHI	Vietnamese
3	ĐÌNH THE QUAN	P2	18	1	5		70	KHI	Vietnamese
4	PHAN VĂN TÙNG	P2	16	1	9		80	KHI	Vietnamese
5	PHẠM HỒNG THAI	P2	17	1	5		69	KHI	Vietnamese
6	ĐOÀN DUY HÙNG	P2	15	1	5		90	KHI	Vietnamese
7	HOANG MINH TÂN	P2	14	1	10	15	81	YTE	Vietnamese
8	TRAN NGOC BAO KHOA	P2	27	1	12		75	PSV	Vietnamese
9	BAGRAMOV A . G	P2	01	1	13		105	KH-THAC	Russian
10	DUÔNG ĐỨC HIỆU	P2	06	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN SƠN TRƯỞNG	P2	02	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM QUỐC HIẾN	P2	03	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
13	TRỊNH BA ĐỒNG	P2	20	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
14	TRÁC ĐỨC HUY	P2	07	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG MINH ĐỨC	P2	11	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VĂN ĐỒNG	P2	04	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
17	LƯU VĂN TỰ	P2	23	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ VĂN NAM	P2	21-22	2	8		64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN PHÚ HỮU	P2	12	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	09-10	2	15		71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	05	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI THỌ DUNG	P2	19	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	26	181	1.618	15	10		
2	BK14	0	0	0	0	10	7		
3	AMD	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	26	181	1.618	25	21		
WEIGHT KG				181	1.618	25			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2021	TO: TTC2 - P2 - RP1	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: CHIẾN - TTrung - Toan	ETA: 09:15
CAM - 1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG QUỐC HUY	TTC2	05-06	2	19	25	85	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN ĐÌNH ĐIỆP	TTC2	07	1	9	38	76	CODIEN	Vietnamese
3	LÊ NGỌC THĂNG	P2	77-79	3	15		83	KH-THAC	Vietnamese
4	K LING	P2	89-90	2	17		68	KH-THAC	Vietnamese
5	TÀNG MẠNH HÀ	P2	87	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	91	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM VĂN QUYỀN	P2	93	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ NGỌC DŨNG	P2	98	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC DŨ	P2	92	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ SINH TÂM	P2	95	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ĐÌNH HUÂN	P2	96	1	3		47	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG THANH	P2	94	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐÌNH ĐẠI	P2	97	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ NGỌC HAI	P2	88	1	8		93	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO SÁCH ĐỨC	P2	76	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN HIỆP	P2	28	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN TIẾN ĐẠT	P2	29-30	2	17		78	KH-THAC	Vietnamese
18	VỊ ĐỨC TU	P2	81-83	3	19		63	KHI	Vietnamese
19	LÊ VĂN TIẾN	P2	85-86	2	13		50	KHI	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN THANH	P2	80	1	12		56	KHI	Vietnamese
21	ĐOÀN VĂN QUÂN	P2	84	1	10		68	KHI	Vietnamese
22	TRẦN HOANG QUYỀN	P2	99,700	2	10		75	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

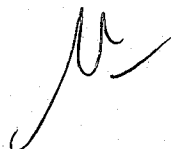
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	2	3	28	161	63	0		
2	P2	20	28	191	1.401	0	21		
3	RP1	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	31	219	1.562	63	22		
WEIGHT KG				219	1.562	63			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

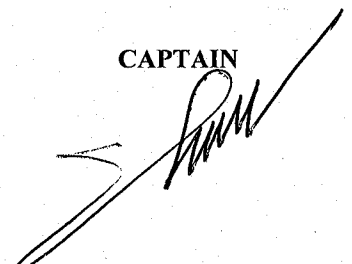
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: P1 - PVD1 - CTK3	CREW: VThắng - Mạnh - QTrương	ETA: 11:20
XANH-2			

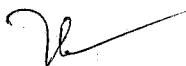
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VIỆT THANH	P1	92	1	9	30	75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN KỲ	P1	63-64	2	20		72	YTE	Vietnamese
3	TRẦN XUÂN LANH	P1	91	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN THẮNG	P1	61	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN KHANH DUY	P1					81	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI HUY NGHIỆP	P1	58	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG XUÂN SƠN	P1	62	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VĂN TỰ	P1	57	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
9	HỒ HỮU CHUNG	P1	65	1	6		51	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN THANH HAI	P1	60	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUANG PHƯỚC	P1	68	1	2		83	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG TIẾN	P1	67	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	59	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	90	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG DUY KHUÔNG	P1	66	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC HOÀN	PVD1	89	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
17	VU VĂN THẬP	PVD1	92-93	2	13		62	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM THANH TÙNG	PVD1	91	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯƠNG THẾ VINH	PVD1	88	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
20	VU XUÂN TÂM	PVD1	87	1	18		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN KHANH	PVD1	90	1	6		70	PSV	Vietnamese
22	SMIRNOV	CTK3	91	1	6		90	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	15	15	113	1.057	30	10		
2	PVD1	6	7	61	404	0	5		
3	CTK3	1	1	6	90	0	7		
TOTAL		22	23	180	1.551	30	22		
WEIGHT KG				180	1.551	30			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	TO: RC4 - P1 - P6	CREW: CHIẾN - TTrung - Toan	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN KHAC HOANG	RC4	08-09	2	15		65	XAY LAP	Vietnamese
2	PHUNG VAN CUONG	RC4	98-99	2	20		75	XAY LAP	Vietnamese
3	LE MINH HIEU	P1	53	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
4	HO NGUYEN KHANH DUY	P1	42	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN THUONG	P1	96-97	2	12		78	KH-THAC	Vietnamese
6	TO QUANG ANH	P1	99	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC AN	P1	73	1	18		74	XAYLAP	Vietnamese
8	LE NGUYEN HUY HOAN	P1	51-52	2	16		64	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN THE THIET	P1	50	1	6		63	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAM VAN KHUONG	P1	44	1	8		70	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN QUY HIEU	P1	47	1	8		77	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN THE NGUYEN	P1	48	1	7		76	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN VAN THANG	P1	45-46	2	14		64	XAYLAP	Vietnamese
14	TRAN HUU NGHI	P1	74	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN TRUNG KIEN	P1	98	1	5		71	PSV	Vietnamese
16	LE HONG MINH	P1	49	1	5		67	PSV	Vietnamese
17	PHAN SY HOAN	P1	43	1	6		68	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN KHANH CHAN	P1					60	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN THI KIM TUYEN	P1	40-41	2	14		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	2	4	35	140	0	0	FL	Chuyen 2 pax RC4-P6
2	P1	17	20	145	1.155	0	20		
3	P6	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		19	24	180	1.295	0	21		
WEIGHT KG				180	1.295	0			

GRAND TOAL: 1.475 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2021	TO: BK6 - BK10 - P2	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - KHẢI - TSON	ETA: 11:30
TRANG - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN HIỀU	BK6	55	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ NGỌC TUÂN	BK6	47	1	10		73	XAYLAP	Vietnamese
3	ĐẶNG THANH SƠN	BK6	52	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN BA DIỆN	BK6	53	1	10	20	80	XAYLAP	Vietnamese
5	LÊ XUÂN HẢI	BK6	51	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC QUANG	BK6	48	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ QUÝ BƯỞNG	BK6	49	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN BÌNH	BK6	45-46	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ CÔNG VIÊN	BK6	50	1	14		66	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN PHE	BK6	56	1	5	45	65	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT MINH	P2	40	1	5	20	67	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM VĂN ĐỨC	P2					73	T-TIN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG TÂN	P2	38	1	5		60	PSV	Vietnamese
14	MAI VĂN VINH	P2	45	1	5		67	PSV	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC CƯỜNG	P2	46	1	5		66	PSV	Vietnamese
16	TRẦN VĂN ĐỨC	P2	44	1	7		54	PSV	Vietnamese
17	HOÀNG QUỐC LONG	P2	37	1	4		62	PSV	Vietnamese
18	MAI MINH TIẾN	P2	43	1	7		70	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HẢI HOÀN	P2	41-42	2	9		66	PSV	Vietnamese
20	PHẠM THIÊN NAM	P2	47	1	15		71	KH-THAC	Vietnamese
21	THAI HOÀNG TÂM	P2	48	1	15		84	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

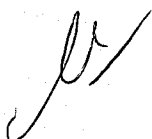
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	10	11	113	665	65	8		Chuyen 1 pax BK10-P2
2	BK10	0	0	0	0	10	2	1	
3	P2	11	11	77	740	20	11		
TOTAL		21	22	190	1.405	95	21		
WEIGHT KG				190	1.405	95			

GRAND TOAL: 1.690 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

